

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÙY DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÙY DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUY DUONG IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THUY DUONG IMEX., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108806959

3. Ngày thành lập: 03/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, ngõ 222, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903458596

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
2.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
3.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
4.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất, gia công các mặt hàng may nội địa và xuất khẩu	1392
5.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
6.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
7.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
8.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
10.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
11.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
12.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
13.	Sản xuất giày, dép	1520
14.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ loại nhà nước cấm)	2011
15.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chất giống nhựa	2029
17.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
18.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
21.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
22.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
23.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
25.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo	2813
26.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
27.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hỏa, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi	2819
28.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
29.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất máy bơm chữa cháy, ô tô chữa cháy, thiết bị chữa cháy, máy chuyên dùng chữa cháy	3290
30.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
32.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
33.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
34.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Bơm, nạp bình chữa cháy	3319
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
43.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

44.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời	4229
45.	Xây dựng công trình thủy	4291
46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Phá dỡ	4311
50.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phòng cháy - chữa cháy	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
57.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
58.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
59.	Bán buôn thực phẩm	4632
60.	Bán buôn đồ uống	4633
61.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn khăn bông, vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
65.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị bán dẫn; bán buôn mạch vi xử lý; bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy	4652
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy - chữa cháy	4659
68.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
69.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
70.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, sơn chống cháy; Bán buôn thiết bị, hệ thống chống sét	4663
71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bình chữa cháy; bán buôn thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; bán buôn thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; bán buôn xe chữa cháy. Bán buôn mực bơm. Nạp bình cứu hỏa	4669
72.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
73.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
74.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
75.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
78.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
79.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
82.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
87.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

88.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
89.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
90.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
91.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy	4773
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
94.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
95.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
96.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
97.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
98.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán trực tiếp, chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định luật đấu giá tài sản)	4799
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Bưu chính	5310
104.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Tư vấn lập dự án, quản lý dự án; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy	7110
105.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
106.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: nghiên cứu khoa học và công nghệ phòng cháy chữa cháy	7490

108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
110.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
111.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
112.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
113.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
114.	Dịch vụ đóng gói	8292
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
116.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
117.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
118.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
119.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
120.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
121.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
122.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 99.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI TIẾN DŨNG	Số 48, đường Lê Trí Trục, Phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.900	990.000.000	10,000	170165031	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.900	990.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	Phòng 1709, CT6C chung cư Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.700	2.970.000.000	30,000	0381850003 71	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	29.700	2.970.000.000	30,000		

3	MAI VIỆT ANH	Phòng 1709, CT6C chung cư Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	59.400	5.940.000.000	60,000	0380850002 23
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	59.400	5.940.000.000	60,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085000223

Ngày cấp: 27/05/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1709, CT6C chung cư Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1709, CT6C chung cư Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội